

DANH SÁCH ĐIỂM MÔN GDQP-AN

Học Kỳ 1 - Năm Học 23-24

Môn học/Nhóm **Giáo dục quốc phòng và an ninh - 05 tuần 02**
 CBGD **Nguyễn Thành Quân**

Mã MH	STT	Mã SV	Họ và tên		Tên lớp	BP1	BP2	BP3	BP2	BP3	BP4	BP5	ĐQT (40%)	Thi (60%)	ĐTK	GHI CHÚ
						LT1	LT2	ĐL	BS	BS	RL	RL				
234012	1	2123170213	Nguyễn Duy	Anh	CCQ2317G	4.8	5.5	7	7.7	7.7	9.0	9.0	7.2	6.0	6.5	
234012	2	2123170250	Nguyễn Thế	Bảo	CCQ2317H	7.5	6.5	8	8.3	8.3	10.0	10.0	8.4	6.6	7.3	
234012	3	2123170229	Trần Quốc	Bảo	CCQ2317G	5.0	5.5	7	9.7	9.7	8.5	8.5	7.7	5.5	6.4	
234012	4	2123170211	Vũ Đức	Chuyên	CCQ2317G	6.5	7.0	7	6.3	6.3	8.5	8.5	7.2	6.4	6.7	
234012	5	2123170274	Lê	Doãn	CCQ2317H	5.8	5.5	7	7.0	7.0	9.0	9.0	7.2	7.0	7.1	
234012	6	2123170251	Nguyễn Tấn	Dũng	CCQ2317H	4.0	5.0	6.5	9.3	9.3	8.5	8.5	7.3	5.2	6.0	
234012	7	2123170240	Lê Hữu Anh	Duy	CCQ2317G	6.0	6.5	7	9.3	9.3	7.5	7.5	7.6	7.8	7.7	
234012	8	2123170249	Trần Văn Bảo	Duy	CCQ2317H	5.5	5.3	6	5.7	5.7	7.5	7.5	6.2	4.8	5.3	
234012	9	2123170233	Nguyễn Việt	Hải	CCQ2317G	7.3	5.3	6.5	6.0	6.0	8.0	8.0	6.7	6.2	6.4	
234012	10	2123170224	Nguyễn Văn	Hào	CCQ2317G	6.8	6.3	6	7.0	7.0	9.0	9.0	7.3	6.0	6.5	
234012	11	2123170217	Nguyễn Văn	Hậu	CCQ2317G	6.8	5.8	7	9.0	9.0	8.5	8.5	7.8	5.8	6.6	
234012	12	2123170245	Ngô Thanh	Hiền	CCQ2317G	7.5	7.0	7	8.7	8.7	7.5	7.5	7.7	7.2	7.4	
234012	13	2123170253	Dương Thái	Hoà	CCQ2317H	6.3	5.5	7	9.0	9.0	8.0	8.0	7.5	6.0	6.6	
234012	14	2123170219	Lê Đức	Hoà	CCQ2317G	6.3	6.8	6.5	7.0	7.0	8.0	8.0	7.1	6.2	6.5	
234012	15	2123170223	Trương Minh	Hoàng	CCQ2317G	6.8	6.8	7	9.0	9.0	7.5	7.5	7.6	5.6	6.4	
234012	16	2123170226	Võ Văn	Hoàng	CCQ2317G	5.3	5.0	7	8.0	8.0	7.5	7.5	6.9	6.2	6.5	
234012	17	2123170214	Lão Văn	Hùng	CCQ2317G	6.0	7.3	8	9.0	9.0	9.5	9.5	8.3	8.0	8.1	
234012	18	2123170280	Lê Trương Quốc	Huy	CCQ2317H	6.0	6.5	7	9.0	9.0	7.5	7.5	7.5	7.4	7.4	
234012	19	2123170260	Nguyễn Hùng	Huy	CCQ2317H	4.8	4.0	6.5	8.0	8.0	7.5	7.5	6.6	5.0	5.6	
234012	20	2123170216	Trần Đào Gia	Huy	CCQ2317G	7.3	6.8	7	8.7	8.7	7.5	7.5	7.6	8.2	8.0	
234012	21	2123170212	Võ Nhĩ	Khang	CCQ2317G	7.3	6.3	8	9.0	9.0	10.0	10.0	8.5	5.2	6.5	

234012	22	2123170222	Phạm Minh	Khôi	CCQ2317G	5.3	5.0	6.5	8.0	8.0	7.5	7.5	6.8	5.2	5.8	
234012	23	2123170244	Trần Nguyên	Kiên	CCQ2317G	6.5	4.0	6.5	7.0	7.0	8.0	8.0	6.7	4.4	5.3	
234012	24	2123170264	Lý Thanh	Kiệt	CCQ2317H	5.8	7.8	8	8.7	8.7	10.0	10.0	8.4	6.0	7.0	
234012	25	2123170220	Nguyễn Mậu	Kiệt	CCQ2317G	5.0	6.5	7	5.7	5.7	8.0	8.0	6.6	6.4	6.5	
234012	26	2123170247	Đinh Văn	Kỳ	CCQ2317H			v	0.0	0.0	v	v	0.0		0.0	
234012	27	2123170227	Phan Tấn	Lam	CCQ2317G	6.0	6.3	6.5	7.7	7.7	7.5	7.5	7.0	7.4	7.2	
234012	28	2123170237	Hà Phước Hoàng	Long	CCQ2317G	6.8	7.0	7	8.0	8.0	7.5	7.5	7.4	6.0	6.6	
234012	29	2123170273	Phan Hoàng	Long	CCQ2317H	7.3	7.0	7	9.3	9.3	7.5	7.5	7.8	6.0	6.7	
234012	30	2123170236	Lê Tấn	Lương	CCQ2317G	5.5	5.5	6.5	8.3	8.3	8.0	8.0	7.2	4.6	5.6	
234012	31	2123170221	Cao Hoài	Lượng	CCQ2317G	5.8	4.3	7	9.0	9.0	8.5	8.5	7.4	6.2	6.7	
234012	32	2123170275	Lê Văn	Mạnh	CCQ2317H	7.3	4.8	6.5	8.7	8.7	8.5	8.5	7.5	5.8	6.5	
234012	33	2123170256	Lê Bá	Minh	CCQ2317H	4.0	5.5	7	7.0	7.0	7.5	7.5	6.5	5.0	5.6	
234012	34	2123170278	Nguyễn Nhật	Nam	CCQ2317H	6.8	6.8	7	8.0	8.0	8.0	8.0	7.5	6.8	7.1	
234012	35	2123170262	Nguyễn Văn	Nguyên	CCQ2317H	5.3	8.5	7	6.3	6.3	7.5	7.5	6.9	7.2	7.1	
234012	36	2123170215	Lê Thị Phương	Nhi	CCQ2317G	6.3	7.8	7	8.0	8.0	8.5	8.5	7.7	7.6	7.6	
234012	37	2123170243	Nguyễn Phú	Phát	CCQ2317G	5.0	6.3	7	8.7	8.7	8.0	8.0	7.4	6.4	6.8	
234012	38	2123170246	Phạm Hoàng	Phi	CCQ2317H	6.5	6.3	7	8.0	8.0	7.5	7.5	7.3	6.4	6.7	
234012	39	2123170259	Dươn Sĩ	Phon	CCQ2317H	7.8	8.5	7	7.0	7.0	7.5	7.5	7.5	7.0	7.2	
234012	40	2123170267	Phạm Văn	Phong	CCQ2317H	6.3	5.5	7	9.3	9.3	7.5	7.5	7.5	6.8	7.1	
	41	2123170248	Phan Thành	Phú	CCQ2317H	6.5	7.5	7	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	6.4	6.6	
234012	42	2123170257	Chu Quang	Phúc	CCQ2317H	6.5	6.3	7	9.0	9.0	7.5	7.5	7.5	6.4	6.9	
234012	43	2123170277	Cù Thanh	Phúc	CCQ2317H	6.5	6.8	7	7.0	7.0	7.5	7.5	7.0	6.6	6.8	
234012	44	2123170252	Đặng Đình Thiên	Quốc	CCQ2317H			v	0.0	0.0	v	v	0.0		0.0	
234012	45	2123170266	Mai Ngọc	Quý	CCQ2317H	5.8	6.3	7	9.0	9.0	7.5	7.5	7.4	5.4	6.2	
234012	46	2123170270	Võ Minh	Quý	CCQ2317H			v	0.0	0.0	v	v	0.0		0.0	
234012	47	2123170238	Nguyễn Đắc	Tài	CCQ2317G	5.0	5.0	7	9.0	9.0	7.5	7.5	7.1	3.8	5.1	
234012	48	2123170232	Nguyễn Tấn	Tài	CCQ2317G	5.3	4.5	6.5	5.7	5.7	7.5	7.5	6.1	6.2	6.2	
234012	49	2123170272	Nguyễn Đăng	Thắng	CCQ2317H	5.0	4.5	7	4.3	4.3	7.5	7.5	5.7	4.6	5.1	
234012	50	2123170254	Nguyễn Hoàng Gia	Thiện	CCQ2317H	7.8	8.3	8	9.3	9.3	9.5	9.5	8.8	6.4	7.4	
234012	51	2123170230	Nguyễn Hữu	Thiện	CCQ2317G	4.3	4.5	7	7.0	7.0	7.5	7.5	6.4	4.0	5.0	

234012	52	2123170263	Nguyễn Hữu	Thiện	CCQ2317H	7.3	7.0	7	8.3	8.3	7.5	7.5	7.6	6.2	6.7	
234012	53	2123170279	Nguyễn Tấn	Thọ	CCQ2317H	6.8	6.8	6	7.0	7.0	7.5	7.5	6.9	6.2	6.5	
234012	54	2123170241	Nguyễn Thanh	Tiền	CCQ2317G	7.3	6.8	7	9.0	9.0	8.5	8.5	8.0	6.8	7.3	
234012	55	2123170228	Trần Quốc	Toàn	CCQ2317G	6.0	8.0	7	7.3	7.3	9.0	9.0	7.7	6.2	6.8	
234012	56	2123170258	Nguyễn Hữu	Trung	CCQ2317H	6.0	7.5	7	7.7	7.7	8.0	8.0	7.4	7.0	7.2	
234012	58	2123170234	Nguyễn Thái	Trường	CCQ2317G	6.8	5.8	6.5	9.0	9.0	8.5	8.5	7.7	5.8	6.6	
234012	59	2123170271	Phan Văn	Tự	CCQ2317H	5.3	7.0	7	7.0	7.0	7.5	7.5	6.9	6.6	6.7	
234012	60	2123170225	Trần Châu Gia	Viễn	CCQ2317G	5.8	3.8	7	8.7	8.7	7.5	7.5	7.0	6.6	6.8	
234012	61	2123170242	Nguyễn Ngọc	Vinh	CCQ2317G	6.5	5.3	8	8.0	8.0	10.0	10.0	8.0	6.4	7.0	
234012	62	2123170235	Lê Hoàng	Vũ	CCQ2317G	6.8	4.3	7	5.7	5.7	7.5	7.5	6.3	5.4	5.8	
234012	63	2123170261	Lê Trần Anh	Vũ	CCQ2317H	6.3	5.0	6.5	9.0	9.0	7.5	7.5	7.3	6.4	6.7	
234012	64	2123170276	Phạm Đoàn Thế	Vỹ	CCQ2317H	6.8	7.3	7	5.3	5.3	8.0	8.0	6.8	6.2	6.4	